

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **290/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/8/2023

“*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Tam – Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Hạnh – Bí thư phường Tân Mai, nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Quang M – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:* Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1368/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2023/QĐXX-ST ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quản Tú C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: đường G, khóm 6, phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trí Quang M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường B2, phường B, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

(bà C, ông M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Quán Tú C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trí Quang M kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện bà và ông M đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị giải quyết được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Quán Bảo A, sinh ngày 20/11/2018. Khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trí Quang M trình bày:

Ông và bà Quán Tú C kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9/2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và những mâu thuẫn trong quan hệ gia đình. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022. Nay bà C xin ly hôn thì ông không đồng ý do ông muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu bà C vẫn kiên quyết xin ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Quán Bảo A, sinh ngày 20/11/2018. Nếu ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tạm thời không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Quản Tú C. Bà Quản Tú C được ly hôn với ông Nguyễn Trí Quang M.

+ Về con chung: đề nghị giao cháu Nguyễn Quản Bảo A, sinh ngày 20/11/2018 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà C, ông M phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn có bị đơn cư trú tại thành phố Biên Hòa nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quản Tú C và ông Nguyễn Trí Quang M tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của bà C, ông M là hợp pháp. Nay bà C xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà C: Bà C xin ly hôn với ông M với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Quá trình chung sống, bà C có nhiều áp lực, mâu thuẫn từ gia đình ông M mà không giải quyết được.

Xét thấy, Tòa án đã xác minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Quản Tú C và ông Nguyễn Trí Quang M khi ông bà sống chung tại phường B, thành phố B1. Đại diện chính quyền địa phương cho biết ông M, bà C chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không biết. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa ông M, bà C nhưng bà C vẫn kiên quyết ly hôn, cho thấy bà C không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Bà C và ông M đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2022 đến nay.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà C và ông M là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ cả hai bên cùng vun đắp, khi một bên đã không còn tình cảm thì có níu giữ cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Quản Tú C được ly hôn ông Nguyễn Trí Quang M.

[4] Về con chung: Bà C, ông M có 01 con chung là cháu Nguyễn Quản Bảo A, sinh ngày 20/11/2018. Ly hôn, bà C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng. Ông M cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M, bà C đều trình bày có đủ điều kiện về kinh tế, nơi ở, thời gian để chăm sóc con chung.

Xét thấy, ông M, bà C đều có điều kiện kinh tế, sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt để nuôi dạy con. Khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.* HĐXX nhận thấy, cháu Nguyễn Quản Bảo A hiện nay đang ở với bà C, cháu A còn nhỏ và là cháu gái nên cần sự quan tâm chăm sóc, gần gũi của người mẹ hơn. Do đó, để đảm bảo việc ổn định cuộc sống, phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của cháu A, HĐXX nhận thấy giao cháu A cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với ý kiến ông M về việc bà C làm công việc tại thành phố Hồ Chí Minh, không đủ điều kiện về thời gian chăm sóc con: Bà C đã cung cấp xác nhận của Công ty TNHH P Việt Nam về việc bà C làm việc có địa điểm linh động, do bà C tự sắp xếp, trong trường hợp cần trực tiếp làm việc tại Công ty thì Công ty sẽ báo trước để bà C sắp xếp. Do đó, ý kiến của ông M không có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...*, Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.* HĐXX nhận thấy, ông M hiện làm công việc kinh doanh vật liệu xây dựng có thu nhập ổn định hơn 10 triệu đồng/tháng. Bà C làm công việc quản lý nhà máy thu nhập 17.650.000đ/tháng. Tại phiên tòa, bà C trình bày,

hiện cháu A đang học trường Dân lập B, học phí 3.100.000đ/HK/5tháng. Xét thấy, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Do đó, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo sự phát triển của cháu A, HĐXX buộc ông M cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

[5] Về tài sản chung: Bà C, ông M khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà C, ông M khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Quản Tú C phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Trí Quang M phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 71, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Quản Tú C. Bà Quản Tú C được ly hôn với ông Nguyễn Trí Quang M.

2. Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Quân Bảo A, sinh ngày 20/11/2018. Ly hôn, giao cháu A cho bà Quản Tú C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trí Quang M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông M được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Quản Tú C phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà C đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 07871 ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa.

Ông Nguyễn Trí Quang M phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND phường B, TP. B1, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (4)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy